

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày 15-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tư

Ông Nguyễn Văn Bảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hán - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 186/2017/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Vũ Quang V, sinh năm 1958 tại: huyện L, tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKTT và chỗ ở: Lô G19, đường N, tổ dân phố P, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Q và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 27/9/2017 đến ngày 30/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Giáp Trung K, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Ông Trần Đình A, sinh năm 1957; địa chỉ: Số nhà 04, ngách 06, ngõ 1004, tổ dân phố K, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng*: Anh Ngô Cảnh V, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 00 phút ngày 27/9/2017 tại nhà ở của Vũ Quang V ở địa chỉ: Lô G19, đường N, tổ dân phố P 3, phường D, thành phố B, tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang Vũ Quang V đang có hành vi thanh toán tiền trúng thưởng số lô đề cho đối tượng tự khai là Lưu Anh T, sinh năm 1984 ở Tổ 6, phường T, thành phố B. Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của V: 01 (một) mẫu giấy một mặt có chữ “kiến thiết miền Bắc”, mặt sau có ghi chữ và số; 01 (một) tờ giấy lĩnh tiền của Ngân hàng Viettinbank mặt sau có ghi chữ và số; 01 (một) điện thoại di động Nokia và số tiền 2.300.000 đồng.

- Thu giữ của T số tiền 1.200.000 đồng.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của Vũ Quang V nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Ngày 28/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ viết, chữ số trong các tờ cấp đề thu giữ nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 1467/KL-PC54 ngày 29/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết, chữ số của Vũ Quang V trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2, M3, M4 là do cùng một người viết ra”.

Ngày 02/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang tiến hành kiểm tra danh mục tin nhắn trong máy điện thoại Nokia lắp sim 0978.011.745 của V nhưng không có tin nhắn nào có nội dung liên quan việc mua bán số lô, số đề.

Ngày 19/10/2017, Vũ Quang V tự nguyện nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công

an thành phố B số tiền 8.657.000 đồng liên quan đến việc đánh bạc.

Quá trình điều tra đã xác định được: Lợi dụng kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc công bố hàng ngày trên phương tiện thông tin đại chúng, khoảng giữa tháng 9/2017, Vũ Quang V đứng ra bán số lô đề, tự thanh toán tiền trúng thưởng cho người chơi để kiếm lời. V ghi lô đề cho khách rồi tổng hợp ra cấp tổng đề thôi dỗi, sau khi có kết quả xổ số V tự tính toán số trúng thưởng để thanh toán cho khách. Để khuyến khích người đánh bạc, V trích lại cho người mua số đề ở dạng đặt biệt, nhất to, hai cửa 20% số tiền mua số đề ở hình thức này. Khoảng 17 giờ ngày 27/9/2017, V đang ở nhà thì Lưu Anh T, sinh năm 1984 ở tổ 6, phường T, thành phố B đến gặp hỏi mua số lô, số đề. T mua các số lô đề sau ở dạng đặc biệt các số: 18, 81, 27, 72, 53, 35, 54, 45, 76, 67 mỗi số 10.000 đồng; dạng lô các số: 39, 93, 57, 75, 49, 94, 46, 64, 47, 74 mỗi số 05 điểm; các số 68, 86 mỗi số 07 điểm lô. V ghi các số lô đề trên ra mặt sau tờ giấy có ghi chữ kết quả xổ số đưa cho T và nhận số tiền mua số lô đề của T là 1.572.000 đồng. Sau đó, V ghi chép các số lô, số đề bán cho T và các đối tượng đánh bạc khác và tờ cấp tổng (mặt sau tờ giấy lĩnh tiền của ngân hàng Viettinbank) để làm căn cứ thanh toán số trúng thưởng cho mọi người. Khoảng 19 giờ 10 phút, sau khi đối chiếu kết quả xổ số T đến gặp V lĩnh tiền trúng thưởng các số lô được 1.200.000 đồng. Khi V vừa nhận cấp đề con và trả tiền trúng thưởng cho T thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang. Kết quả điều tra đã chứng minh được tổng số tiền đánh bạc của Vũ Quang V ngày 27/9/2017 là 12.157.000 đồng; trong đó: Số tiền bán số lô đề là 5.357.000 đồng; số tiền trúng thưởng là 6.800.000 đồng.

Ngày 27/9/2017, Vũ Quang V còn khai bán số lô, số đề cho anh Giáp Trung K, sinh năm 1959 ở tổ dân phố P, phường D, thành phố B với số tiền đánh bạc là 150.000 đồng; anh Trần Đình A, sinh năm 1957 ở thôn Phô, phường D, thành phố B với số tiền đánh bạc là 1.260.000 đồng; bố của anh Vũ (đồng niên với V) ở khu 34, xã Song Mai, thành phố B với số tiền đánh bạc là 2.140.000 đồng; anh P, sinh năm 1975 ở làng M, phường D, thành phố B với số tiền đánh bạc là 220.000 đồng; anh T1, sinh năm 1975 ở làng M, phường D, thành phố B với số tiền đánh bạc là 120.000 đồng; anh B, sinh năm 1958 ở Đ, xã D, thành phố B với số tiền đánh bạc là 1.260.000 đồng; anh M, sinh năm 1962 ở làng M, phường D, thành phố B với số tiền đánh bạc là 2.100.000 đồng và anh H không

rõ địa chỉ với số tiền đánh bạc là 2.060.000 đồng.

Hình thức đánh bạc (bán số lô đề) gồm các dạng như sau:

- Dạng thứ nhất (chơi giải Đặc biệt, Nhất to, Hai cửa): Người chơi cược 02 số cuối của giải đặc biệt, giải nhất hoặc đặt hai cửa đặc biệt và giải nhất của kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc. Nếu trúng thưởng thì người chơi được trả thưởng gấp 70 lần giá trị đặt cược, nếu không trúng thì mất số tiền đã đặt cược.

- Dạng thứ hai (còn gọi là chơi lô): Người chơi đặt cược 02 số cuối của tất cả các giải xổ số, nếu trúng thưởng thì được trả 80.000 đồng/01 điểm, mỗi điểm lô người chơi phải 23.000 đồng. Trường hợp số lô xuất hiện nhiều lần ở các giải thì người chơi được trả thưởng tương ứng với số lần xuất hiện

- Dạng thứ ba (lô xiên): Người chơi đặt cược từng cặp số gồm cặp 2 số, cặp 3 số để cược với hai số cuối cùng của tất cả các giải xổ số. Nếu trúng người chơi sẽ được trả thưởng theo tỉ lệ: Cặp 2 số (xiên 2) hưởng gấp 10 lần; cặp 3 số (xiên 3) hưởng gấp 40 lần giá trị tiền đặt cược.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen và số tiền 12.157.000 đồng được nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 01/KSĐT ngày 05 tháng 12 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Vũ Quang V về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Quang V phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Vũ Quang V từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo V cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Vũ Quang V.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố

tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 12.157.000 đồng.

- Trả lại bị cáo Vũ Quang V 01 (một) điện thoại di động Nokia vỏ màu đen có số seri 1: 353698075067201, số seri 2: 353698075067219 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh và Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 01/01/2018, các điều khoản tương ứng trong bộ Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 không có lợi hơn cho bị cáo. Do vậy, cần áp dụng các quy định tại Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xét xử bị cáo.

[3] Về tội danh: Ngày 27/9/2017, tại nhà ở Lô G19, đường Nguyễn Thị M, tổ dân phố P 3, phường D, thành phố B, Vũ Quang V có hành vi đánh bạc (bán số lô, số đề) với tổng số tiền đánh bạc là 12.157.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác. Do đó, cần xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho loại tội này.

[5] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[7] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[8] Xét về hình phạt bổ sung: Bị cáo bán số lô, đề nhằm mục đích thu lợi bất chính, có tài sản để đảm bảo thi hành án. Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[9] Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, tỏ ra rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam, cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[10] Đối với người tự khai là Luru Anh T, sinh năm 1984 ở Tổ 6, phường T, thành phố B. Sau khi làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang, T đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra xác minh tại địa phương nhưng không xác định được công dân nào có lý lịch như đối tượng khai nên không có căn cứ để xử lý.

[11] Đối với Giáp Trung K và Trần Đình A là người mua số lô, số đề theo lời khai của V. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã lấy lời khai và tiến hành đối chất với V nhưng họ không thừa nhận đã mua số lô, đề của V. Ngoài lời khai của V thì không có chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có căn cứ để xử lý đối với Giáp Trung K và Trần Đình A.

[12] Đối với những người mua số lô, đề của V là bố của anh V ở khu 34, xã Song Mai, thành phố B; anh P, anh T, anh C và anh M đều ở làng Mé, phường D, thành phố B; anh B, sinh năm 1958 ở Đìa Đông, xã Dĩnh Trì, thành phố B và anh Hải không rõ địa

chỉ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được những người này là ai nên không có căn cứ để xử lý.

[13] Về vật chứng của vụ án: Số tiền 12.157.000 đồng là số tiền do bị cáo bán số lô, số đề mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 (một) điện thoại di động Nokia vỏ màu đen có số seri 1: 353698075067201, số seri 2: 353698075067219 không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60; Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Tuyên bố bị cáo Vũ Quang V phạm tội “Đánh bạc”;
- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo V 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo V cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Về vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 12.157.000 đồng; trả lại bị cáo V 01 (một) điện thoại di động Nokia vỏ màu đen có số seri 1: 353698075067201, số seri 2: 353698075067219 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hương Giang